

Số: 1367/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 30 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật
Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1146/2025/TLST-HNGĐ
ngày 09/5/2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Ngô Thị Thúy O, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số C đường T, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố
Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số C đường T, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố
Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định yêu cầu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Ngô Thị Thúy O và ông Nguyễn Hữu T yêu cầu thuận tình ly hôn, do
đó yêu cầu của bà O và ông T là yêu cầu về thuận tình ly hôn và thuộc thẩm
quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng
dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm b khoản
2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc
thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ
Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ việc, Tòa án
nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 67/KH quyền số 03/2011 ngày 24/6/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Thúy O và ông Nguyễn Hữu T là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà O và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên vợ chồng không tìm được tiếng chung, cuộc sống hôn nhân bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà O và ông T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được cải thiện. Bà O và ông T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay, thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm, gắn bó và trách nhiệm với nhau. Nay, bà O và ông T cùng xác định không còn tình cảm, do đó cả hai đều yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà O và ông T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà O và ông T cùng yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

- Về con chung: Bà Ngô Thị Thúy O và ông Nguyễn Hữu T có 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2012 và Nguyễn Đình N1, sinh ngày 01/02/2016. Hai bên thống nhất giao 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2012 và Nguyễn Đình N1, sinh ngày 01/02/2016 cho bà Ngô Thị Thúy O trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng ông Nguyễn Hữu T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng, thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị Thúy O và ông Nguyễn Hữu T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng bà Ngô Thị Thúy O và ông Nguyễn Hữu T phải chịu, nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà O, ông T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0072644 ngày 28/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Ngô Thị Thúy O và ông Nguyễn Hữu T đã nộp đủ lệ phí.

Xét thỏa thuận nêu trên của bà O và ông T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của bà O, ông T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/5/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thúy O, sinh năm 1990 và ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1984 thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 67/KH quyền số 03/2011 ngày 24/6/2011 của Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật)

- Về con chung: Bà Ngô Thị Thúy O và ông Nguyễn Hữu T có 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2012 và Nguyễn Đình N1, sinh ngày 01/02/2016. Hai bên thống nhất giao 02 con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 27/4/2012 và Nguyễn Đình N1, sinh ngày 01/02/2016 cho bà Ngô Thị Thúy O trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng ông Nguyễn Hữu T tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng, thực hiện vào ngày cuối cùng của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 5 năm 2025 cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi hoặc khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực và người có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ số tiền trên cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền gốc và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Các bên thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Ngô Thị Thúy O và ông Nguyễn Hữu T phải chịu, nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà O, ông T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0072644 ngày 28/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Ngô Thị Thúy O và ông Nguyễn Hữu T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- UBND X. Tỉnh Thới, TP. Cao Lãnh, T. Đồng Tháp;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thị Hoài